TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2024/HS-ST
Ngày 18/6/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Chí Thiện;
Thẩm phán: Ông Vũ Minh Quán.
Các hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Sần Quang S1 - Nghề nghiệp: Chuyên viên Sở du lịch tỉnh Lào Cai.
2/ Bà Phạm Thị Mai - Nghề nghiệp: Phó chánh T2 tra Sở lao động thương binh tỉnh Lào Cai.
3/ Ông Nguyễn Ngọc Linh- Nghề nghiệp: Phó bí thư tỉnh Đoàn Lào Cai.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 18/6/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 10/2024/TLST-HS ngày 08/04/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 480/2024/QĐXXST-HS ngày 03/6/2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Triệu Ồng N; Sinh ngày 25/10/2000 tại huyện BT, tỉnh Lào Cai; Nơi cư trú: thôn KB, xã PN, huyện BT, tỉnh Lào Cai; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 8/12; Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: V Nam; Con ông Triệu Phúc T và bà Phùng Thị M; Tiền án, Tiền sự: Không; Nhân thân: Bản án số 30/2020/HSST ngày 16/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện BT, tỉnh Lào Cai tuyên phạt bị cáo Triệu Ồng N 01 năm 06 tháng tù giam về tội *"Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi",* ngày 24/8/2021 chấp hành xong hình phạt tù, đã được xóa án tích. Bị bắt tạm giữ từ ngày 14/11/2023, tạm giam từ ngày 23/11/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lào Cai. Có mặt.

2. Họ và tên: Triệu Ồng T1; Sinh ngày 25/03/1994 tại huyện BT, tỉnh Lào Cai; Nơi cư trú: thôn Làng Đền, xã PN, huyện BT, tỉnh Lào Cai; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: V Nam; Con ông Triệu Ồng S và bà Bàn Thị K; Có vợ Vàng Mùi L và có 02 con: Lớn sinh năm 2020, nhỏ sinh năm 2022; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt; Bị bắt tạm giữ từ ngày 14/11/2023, tạm giam từ ngày 23/11/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lào Cai. Có mặt.

3. Họ và tên: Triệu Thừa T2; Sinh ngày 06/12/2002 tại huyện BT, tỉnh Lào Cai; Nơi cư trú: thôn KB, xã PN, huyện BT, tỉnh Lào Cai; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: V Nam; Con ông Triệu Kim M và bà Hoàng Thị N; Chung sống như vợ chồng với chị Phùng Thu T và có 01 con sinh năm 2022; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt, Bị bắt tạm giữ từ ngày 14/11/2023, tạm giam từ ngày 23/11/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lào Cai. Có mặt.

4. Họ và tên: Phạm Đức H; Sinh ngày 18/01/2000 tại huyện BT, tỉnh Lào Cai; Nơi cư trú: Thôn PT 1, xã PN, huyện BT, tỉnh Lào Cai; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: V Nam; Con ông Phạm Đức H1 và bà Ngô Thị S; Có vợ Lại Thị Hồng C và có 01 con sinh năm 2019; Tiền án: Không; Tiền sự: 01 tiền sự: Ngày 25/4/2023 bị UBND xã HT, thành phố LC phạt tiền 4.000.000 đồng về hành *vi "Hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản của cá nhân người khác"*. Ngày 26/4/2023 đã nộp xong khoản tiền trên; Bị bắt tạm giữ từ ngày 14/11/2023, tạm giam từ ngày 23/11/2023, hiện bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lào Cai. Có mặt.

5. Họ và tên: Trần Quốc V; Sinh ngày 16/7/2003 tại huyện BT, tỉnh Lào Cai; Nơi cư trú: thôn PA 2, xã PN, huyện BT, tỉnh Lào Cai; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: V Nam; Con ông Trần Văn C và bà Nguyễn Thị H; Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 28/03/2023, bị Công an quận Đ, thành phố Hà Nội phạt tiền 6.500.000 đồng về hành vi *"Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác"* bị cáo đã nộp xong khoản tiền trên; Bị bắt tạm giữ từ ngày 14/11/2023, tạm giam từ ngày 23/11/2023, hiện bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lào Cai. Có mặt.

6. Họ và tên: Bùi Văn C; Sinh ngày 17/9/2004 tại huyện V, tỉnh Lào Cai; Nơi cư trú: thôn VT, xã VL, huyện V, tỉnh Lào Cai; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh, Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: V Nam; Con ông Bùi Văn T và bà Doãn Thị H; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt; Bị bắt tạm giữ từ ngày 14/11/2023, tạm giam từ ngày 23/11/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lào Cai. Có mặt.

7. Họ và tên: Trần Văn S; Sinh ngày 02/12/2005 tại huyện V, tỉnh Lào Cai; Nơi cư trú: thôn H, xã VL, huyện V, tỉnh Lào Cai; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: V Nam; Con ông Trần Văn C và bà Phạm Thị Đ; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt; Bị bắt tạm giữ từ ngày 14/11/2023, tạm giam từ ngày 23/11/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lào Cai. Có mặt.

8. Họ và tên: Triệu Nguyên T3; Sinh ngày 27/12/2006 tại huyện BT, tỉnh Lào Cai; Nơi cư trú: thôn KB, xã PN, huyện BT, tỉnh Lào Cai; Nghề

nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: V Nam; con ông Triệu Phúc H và bà Hoàng Thị C; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt; Bị bắt tạm giữ từ ngày 14/11/2023, tạm giam từ ngày 23/11/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lào Cai. Có mặt.

9. Họ và tên: Nguyễn Minh Q; Sinh ngày 21/02/2006 tại huyện BT, tỉnh Lào Cai; Nơi cư trú: thôn Phú Hải 1, xã PN, huyện BT, tỉnh Lào Cai; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: V Nam; Con ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị T; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt; Bị bắt tạm giữ từ ngày 14/11/2023, tạm giam từ ngày 23/11/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lào Cai. Có mặt.

10. Họ và tên: Nguyễn Thành N1; Sinh ngày 17/01/2005 tại huyện V, tỉnh Lào Cai; Nơi cư trú: thôn Lủ 3, xã VL, huyện V, tỉnh Lào Cai; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: V Nam; Con ông Nguyễn Văn T và bà La Thị T; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt; Bị bắt tạm giam ngày 29/02/2024, hiện bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lào Cai. Có mặt.

- Người đại diện hợp pháp của các bị cáo:

1. Người đại diện hợp pháp của bị cáo Triệu Nguyên T3; Ông Triệu Phúc H và bà Hoàng Thị C (là Bố, Mẹ của bị cáo).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Chày là ông Triệu Phúc H; Địa chỉ: Thôn KB, xã PN, huyện BT, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

2. Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Minh Q; Ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị Thu (là Bố, Mẹ của bị cáo).

Người đại diện theo ủy quyền của bà T là ông Nguyễn Văn K; Địa chỉ: Thôn Phú Hải 1, xã PN, huyện BT, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

3. Người đại diện hợp pháp của bị cáo Trần Văn S; Ông Trần Văn C và bà Phạm Thị Đ (là Bố, Mẹ của bị cáo).

Người đại diện theo ủy quyền của ông C là bà Phạm Thị Đ; Địa chỉ: thôn X, xã VL, huyện V, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

- Người bào chữa cho các bị cáo:

1. Người bào chữa cho bị cáo Triệu Ồng N: Ông Lê Trường S1, Luật sư - Công ty luật hợp danh Thủy Vỹ, Đoàn Luật sư tỉnh Lào Cai. Có mặt.

2. Người bào chữa cho bị cáo Triệu Thừa T2: Bà Nguyễn Thiên H1, Luật sư - Công ty luật hợp danh Thủy Vỹ, Đoàn Luật sư tỉnh Lào Cai. Có mặt.

3. Người bào chữa cho bị cáo Trần Quốc V: Ông Phạm Ngọc G, Luật sư - Công ty luật hợp danh Thủy Vỹ, Đoàn Luật sư tỉnh Lào Cai. Có mặt.

4. Người bào chữa cho bị cáo Phạm Đức H: Ông Nguyễn Văn C, Luật sư - Công ty luật hợp danh Thủy Vỹ, Đoàn Luật sư tỉnh Lào Cai. Có mặt.

5. Người bào chữa cho bị cáo Bùi Văn C: Bà Phạm Thị B, Luật sư - Văn phòng Luật sư Hùng Minh, Đoàn Luật sư tỉnh Lào Cai. Có mặt.

6. Người bào chữa cho bị cáo Triệu Ổng T1 và bị cáo Nguyễn Minh Q: Bà Đỗ Thị Thu B; Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp Nhà nước tỉnh Lào Cai. Có mặt.

7. Người bào chữa cho các bị cáo Trần Văn S và Triệu Nguyên T3: Bà Phạm Thị Hoa H - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp Nhà nước tỉnh Lào Cai. Có mặt.

8. Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thành N1: Ông Văn Minh N, Luật sư - Công ty Luật Bình Minh, Đoàn luật sư tỉnh Lào Cai. Có mặt.

- Người Bị hại:

Anh Đỗ Viết T4; Sinh ngày: 27/11/2005; Địa chỉ: Thôn N 1, xã B, huyện M, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp của của bị hại T4: Bà Phạm Thị H2 (mẹ đẻ) Địa chỉ: thôn N 1, xã B, huyện M, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

2. Anh Trần Văn Q1; Sinh năm 1991; Địa chỉ: Thôn Phú Hải 2, xã PN, huyện BT, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

3. Ông Nguyễn Văn T; Sinh năm 1974; Địa chỉ: Thôn Lủ 3, xã VL, huyện V, tỉnh Lào Cai. (bố bị cáo N1) Có mặt.

4. Ông Triệu Kim M; Sinh năm 1977; Địa chỉ: Thôn KB, xã PN, huyện BT, tỉnh Lào Cai. (bố bị cáo T2) Có mặt.

5. Bà Bàn Thị T; Sinh năm 1978; Địa chỉ: Thôn Làng Đền, xã PN, huyện BT, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

6. Bà Phùng Thị M; Sinh năm 1983; Địa chỉ: Thôn Làng Đền, xã PN, huyện BT, tỉnh Lào Cai. (mẹ bị cáo N) Có mặt.

7. Ông Triệu Ổng S; Sinh năm 1972; Địa chỉ: Thôn Làng Đền, xã PN, huyện BT, tỉnh Lào Cai. (bố bị cáo T1) Có mặt.

8. Ông Phạm Đức H1; Sinh năm 1976; Địa chỉ: thôn PT 1, xã PN, huyện BT, tỉnh Lào Cai. (bố bị cáo H) Có mặt.

9. Ông Trần Văn C; Sinh năm 1977; Địa chỉ: Thôn PA2, xã PN, huyện BT, tỉnh Lào Cai. (bố bị cáo V) Có mặt.

10. Ông Bùi Văn T; Sinh năm 1980; Địa chỉ: thôn VT, xã VL, huyện V, tỉnh Lào Cai. (bố bị cáo C) Có mặt.

11. Anh Nguyễn Quốc C1; Sinh năm 2008, Địa chỉ: thôn L, xã X, huyện BT, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của anh Nguyễn Quốc C1; Sinh năm 2008; Bà Trần Thị T2; Địa chỉ: thôn L, xã X, huyện BT, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Anh Triệu Phúc H; Địa chỉ: Thôn P, xã PN, huyện BT, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

2. Anh Tráng Minh Q2; Sinh năm 2000; Địa chỉ: Bản 1, thôn N, xã K, huyện B, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Thành V; Sinh năm 1978; Địa chỉ: tổ dân phố PT 1, thị trấn P, huyện BT, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

4. Anh Nguyễn Đức M; Sinh ngày: 05/02/2007; Địa chỉ: thôn BN, xã XQ, huyện BT, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của anh M: Ông Nguyễn Anh T; Địa chỉ: Thôn BN, xã XQ, huyện BT, Lào Cai. Có mặt.

5. Anh Mai Thành Đ; Sinh ngày: 09/3/2005; Địa chỉ: Thôn H 1, xã PN, huyện BT, tỉnh Lào Cai, Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dụng vụ án được tóm tắt như sau:

Do có sự mâu thuẫn từ trước, ngày 11/11/2023, Nguyễn Đức M, nhắn tin cho Triệu Ổng N, hẹn đi đánh nhau nH do bận nên M không đi được. Khoảng 18 giờ ngày 12/11/2023, M tiếp tục nhắn tin cho N hẹn 23 giờ cùng ngày, gặp nhau tại khu vực ngã B dốc ông Đống, thuộc thôn P 2, xã PN, huyện BT để đánh nhau giải quyết mâu thuẫn. N đồng ý và nhắn tin lại với M *"Nếu gặp thì chỉ có hai người thôi",* M đồng ý. N đã gọi điện rủ thêm bạn là H, trước đó N đã nói với H về việc cùng đi đánh nhau với M. Tiếp đó, N nhắn tín cho S1 với nội dung "*Tối nay đi đánh nhau cùng anh, gọi thêm 4 -5 người nữa đi cùng*", S1 nhắn lại "*ok anh*". Một lúc sau, T3 là người cùng thôn, đến nhà N chơi, N bảo T3 *"Có đi đánh nhau với anh không*", T3 hỏi *"Đánh ai*", N nói "*Thằng M*", T3 bảo "*Bao giờ đi thì gọi*". Tiếp đó, N gọi điện cho T1 nói "*Chú ở nhà không, đi đánh nhau giúp cháu tý*", T1 nói "*Ở đâu, có xe thì ra đón chú, có phải cầm theo gì không*", N nói "*Có gì thì cứ cầm theo*". N tiếp tục nhắn tin cho Q nói "*Đi đánh nhau cùng anh*", Q nhắn lại "*Thế để em chuẩn bị đồ, khi nào đi thì đón em*", N nói "*Ừ*".

Sau khi nhận được tin nhắn của N thì S1 rủ thêm C, C rủ thêm N1 cùng sang nhà H chơi. Tại nhà H, S1 tiếp tục gọi điện và nhắn tin cho V, rủ đi đánh nhau và tập trung tại nhà H, V đồng ý. Khoảng 22 giờ, H gọi điện cho N hỏi "*Như nào rồi bạn, có đi nữa không*", N nói "*Có, mấy anh em vào KB đi*". Sau đó, N vào nhà cầm theo một con dao phát dài 91cm, đi bộ ra ngoài đường, vừa đi vừa gọi điện cho T3 và bảo T3 có gì thì mang theo và nhờ T3 đi đón T1 hộ N. Khi N đi ra ngoài đường đứng đợi khoảng 30 phút thì thấy nhóm của H gồm 05 người là: H, S1, V, C, N1 đi 2 xe máy đến. Một lúc sau T3 đi xe máy đến chở theo T1, T3 cầm 01 con dao dạng dao liềm dài 58cm, T1 cầm theo 01 con dao phát dài 01m.

Khoảng 22 giờ 30 cùng ngày, cả nhóm gồm 8 người đi 03 xe máy ra điểm hẹn tại khu vực ngã 3 đoạn đường giao nhau giữa tỉnh lộ 162 và đường liên thôn P 2 - KB tại km33 + 970m thuộc địa phận thôn P 2 xã PN đợi nhóm của M. Tại đây, H và S1 đã dùng chiếc tô vít do S1 mang theo từ trước, tháo các T2 kim thoại làm cột cờ ở hai bên đường tỉnh lộ 162 gần Nhà văn hóa thôn P 2, tháo được được 05 T2 sắt kích thước trung bình là 1,2m, H và S1 cầm đưa cho V, C, N1, còn 02 T2 mỗi người cầm một T2 để làm hung khí đánh nhau. Tại thời điểm đó do sóng điện thoại 4G yếu không nhắn tin và điện thoại được với M nên N

bảo mọi người di chuyển đến khu vực sân bóng thuộc thôn KB đợi. Khi có sóng liên lạc, M hẹn N đến 00 giờ 10 phút sẽ đến, nếu ai không đến thì người đó thua, sau đó, N bảo T3 đi đón Q, đến nơi đón được Q, T3 chở Q qua nhà anh Trần Văn Q1, Trú tại, thôn P 2, xã PN, huyện BT để lấy dao lúc này anh Q1 không ở nhà nên Q tự lấy 01 con dao mèo được hàn vào một ống kim loại dài khoảng 1,6m; T3 đi vào góc nhà nhìn thấy 01 con dao phát được hàn vào ống kim loại màu sáng dài khoảng 01m, T3 lấy luôn rồi đưa cho Q cầm, T3 điều khiển xe máy chở Q ra gặp N đang đợi ở sân bóng. Tại khu vực sân bóng thấy T2 đi làm về dừng lại hỏi mọi người có chuyện gì, N nhìn thấy T2 nên rủ T2 "*Đi đánh nhau anh*", T2 trả lời "*Ừ*", lúc này, T3 đưa một con dao phát cho T2 sử dụng.

Đến khoảng 00 giờ ngày 13/11/2023, N bảo mọi người cùng đi ra điểm hẹn, cả nhóm gồm 10 người đi trên 04 xe máy, cụ thể: T2 điều khiển xe máy 24B1 - 412.65 cầm theo 01 dao dạng dao liềm (do T3 đưa) chở theo T1 cầm theo 01 dao phát; H điều khiển xe máy 24B2 - 776.38 chở N và T3 mỗi người cầm 01 dao phát; C điều khiển xe máy 24B3 - 122.60 chở S1 cầm gậy kim loại, Q cầm 01 con dao mèo; N1 điều khiển xe máy 24B2 - 175.16 cầm theo 01 gậy kim loại chở V cầm 01 dao phát. Khi gần đến nơi tất cả đỗ xe tại khu vực đường bê tông cách ngã 3 dốc ông Đống khoảng hơn 100m, N bảo mọi người ẩn nấp và nói "*Anh em nấp đi nếu một mình thằng M thì để tôi một, một với nó, nếu đông người thì anh em ra*", mọi người đã ẩn nấp ở khu vực bụi cây gần nhà dân, N cầm theo dao phát đứng ở ngoài đường đợi M. Do lúc này, trời mưa nên cả nhóm đi bộ đến Nhà văn hóa thôn P 2 để trú mưa khoảng 15 phút, trong lúc trú mưa thì V thấy sân nhà văn hóa có 02 cột cờ bằng kim loại nên đã bẻ lấy 02 cái rồi đưa cho T3 01 đoạn còn V cầm 02 đoạn, lúc này trời tạnh mưa nên cả nhóm lại quay lại chỗ cũ ẩn nấp, cụ thể: H cầm 01 đoạn gậy kim loại ngồi trên đường vào nhà anh Phạm Việt D (nhà dân gần đó) sát với tỉnh lộ 162, ngồi ngoài cùng; những người còn lại ngồi phía sau gồm: S1 cầm 01 đoạn kim loại, T1 cầm 01 dao phát, V cầm 02 đoạn gậy kim loại, C và N1 mỗi người cầm 01 đoạn gậy kim loại đứng cạnh nhau ở trong cùng; Q cầm 01 con dao phóng lợn và T3 cầm 01 con dao phát (còn đoạn gậy sắt V đưa T3 để ở gốc xoài gần đó) đứng cạnh nhau ở ngõ vào nhà bà Trần Thị H (nhà dân gần đó); T2 đứng một mình ở bụi chuối cạnh đường trái tỉnh lộ 162, do thấy T2 không có gì nên N đưa con dao phát của N cho T2 (còn con dao T3 đưa, T2 vứt ở khu vực gốc xoài cạnh đó, không sử dụng).

Đối với nhóm của M sau khi hẹn được N, M có nhờ bạn là Nguyễn Quốc C1, Nguyễn Anh T4, Mai Văn Đ đi cùng để đánh nhau với nhóm của N. M thuê một chiếc xe Tắc xi của anh Nguyễn Thành V đến đón C1 và T4 đi vào xã PN, còn M và Đ đi xe máy từ xã VL ra xã PN và hẹn gặp nhau tại dốc ông Đống, trên đường đi M có bảo Đ nhặt 04 đoạn gậy gỗ hình hộp chữ nhật dài khoảng gần 01m ở một xưởng gỗ tại xã VL mục đích để đánh nhau với N. Khi đến điểm hẹn, M bảo anh V điều khiển xe quay lại nhà Văn hóa thôn K, xã S để M và Đ cất xe máy ở đó. Tại đây, M cho 04 đoạn gậy gỗ vào xe ô tô của V rồi M và Đ cùng lên xe ô tô đi từ nhà Văn hóa thôn K đến khu vực nhà Văn hóa thôn P 2 xã PN để gặp N. Lúc này, Cường ngồi ghế phụ, còn Đ, T4, M ngồi ở hàng ghế sau,

Đ ngồi ở sau vị trí ghế lái, T4 ngồi giữa, M ngồi sau ghế lại phụ. Khi đến điểm hẹn, sau khi lái xe qua vị trí của N đứng và dừng xe ở cầu gần nhà Văn hóa thôn P, M xuống xe thì N giơ điện thoại bật đèn lên vẫy M nên M ngồi lại vào xe bảo anh V lái xe quay lại đi qua khu vực ngã 3 dừng xe ở lề đường bên phải hướng đi PN - S, cách ngã 3 khoảng 5m, đối diện với ngõ nhà anh Phạm Việt D là nơi nhóm H đang ẩn nấp. Khi xe taxi dừng hẳn, M xuống xe từ cửa sau bên ghế lái phụ, M đi về đuôi xe, vỗ tay nói "*Còn mấy thằng nấp trong bụi ra hết đi*", rồi chạy về phía N, N bỏ chạy vào đường đi thôn KB, M đuổi theo. Lúc này, T4 mở cửa sau phía bên lái, chạy vòng ra phía sau xe ô tô về phía lề đường bên phải theo hướng đi Sơn Hà thì T1 nhìn thấy hô to "*Chém chết mẹ chúng nó đi*", nghe thấy T1 hô, H cầm 01 đoạn gậy sắt lao ra trước đuổi theo T4, S1 cầm 01 đoạn gậy sắt chạy phía sau H, T2, T3, Q mỗi người cầm 01 dao phát từ phía bên kia đường cùng chạy đuổi theo T4. Do bị đuổi, đường trơn trượt nên T4 bị ngã từ trên lề đường tỉnh lộ 162 xuống rãnh thoát nước ở đầu đường bê tông vào thôn KB, ngồi bệt xuống tựa lưng vào Taluy, thấy vậy H cầm tay phải đoạn gậy T2 kim loại vụt về phía T4, T4 giơ tay lên đỡ nên đã vụt trúng vào tay trái T4, H tiếp tục giơ gậy lên vụt T4, T4 giơ 2 tay lên ôm đầu ngã ngửa sang bên phải hở phần lưng và thân bên trái, H tiếp tục dùng gậy vụt thêm 3 cái (01 cái trúng đùi trái, 02 cái trúng vùng mạn sườn trái sau lưng T4); trong lúc H dùng gậy vụt T4 thì T2, S1, Q, T3 cũng chạy đến đứng quanh vị trí T4 đang nằm, S1 đứng bên trái H tay phải cầm gậy kim loại vụt M 03 phát (01 phát trúng tay trái, 02 cái trùng sườn bên trái T4); T2 đứng sát bên tay phải H, đứng ngang với phần mông của T4, hai tay cầm dao phát chém từ trên xuống dưới 01 nhát phần lưỡi dao trúng vào vùng mông của T4; Q đứng sát bên tay phải T2, T4 lúc này nằm nghiêng bên phải tiếp xúc với nền đất, thân bên trái hơi úp xuống nền đất hở phần lưng, Q đứng ở phía chân T4 hướng dọc theo thân người T4, hai tay cầm dao (kiểu dao phóng lợn được hàn với ống sắt) dơ lên cao chém 1 phát từ trên xuống trúng dao hoặc gậy kim loại của người khác nên Q đã rút dao lại về phía ngực mình rồi chọc mạnh mũi dao theo hướng từ sau ra trước về phía lưng T4, mũi dao trúng vào vùng lưng của T4 01 nhát, rồi Q tiếp tục dùng 2 tay cầm dao phóng lợn chém 01 phát theo chiều từ trên xuống dưới hơi chéo từ phải sang trái, lưỡi dao trúng vào vùng sau đầu của T4; T3 đứng phía bên tay phải Q, hai tay cầm dao phát chém 02 phát theo chiều từ trên xuống dưới, chéo từ phải sang trái mũi dao phát trúng vào vùng lưng bên trái của T4. Trong lúc, H, S1, T2, T3, Qđuổi theo đánh, chém T4 thì T1 chạy ra đường gặp Đ mở cửa xe đi xuống và tay phải Đ có cầm theo 01 đoạn gậy gỗ nên T1 đã dùng hai tay cầm dao phát chém từ trên xuống dưới, Đ giơ tay trái lên đỡ nên phần lưỡi dao trúng mu bàn tay trái của Đ, Đ đẩy T1 ngã ngửa ra đường rồi bỏ chạy về phía đầu xe, đúng lúc này V chạy ra đường gặp Đ nên V đã cầm chập 02 thanh kim loại làm một giờ lên nhưng không vụt Đ. T1 đứng dậy đi xuống khu vực đường đi thôn KB thấy nhóm H gồm 5 người đang dời đi, T1 đi đến vị trí T4 đang nằm trên rãnh, cầm dao bằng hai tay chém 01 phát theo hướng từ trên xuống, mũi dao trúng vào vùng lưng dưới vai trái T4 rồi bỏ chạy theo nhóm của H. Lúc này, V chạy đến chỗ T4 và cũng cầm chập 02 T2 kim loại lại với nhau vụt liên tiếp 04 cái theo

hướng từ trên xuống dưới trúng vào tay, mạn sườn bên trái của T4. Trong lúc, V đang vụt T4 thì C và N1 mỗi người cầm 01 đoạn sắt kim loại đi đến, C cầm đoạn sắt vụt 01 phát theo hướng từ trên xuống trúng vào vùng mông của T4 thấy T4 không động đậy gì thì bảo V "*Thôi, thôi anh ơi*" rồi cùng N1 chạy theo hướng của nhóm H. Trên đường đi đến vị trí để xe máy thì gặp M chạy đuổi theo N quay lại, T1 hỏi "*Có phải mày vừa đuổi thằng N không*" rồi dùng tay phải cầm dao phát chém phần sống dao trúng vào tay trái của M một cái nên M bỏ chạy gặp Q, T3, H thì Q hỏi "*Có phải thằng này không*" rồi dùng tay phải cầm dao phóng lợn vả bản dao trúng vào vùng má trái của M 01 cái; T3 dùng hai tay cầm dao phát chém vào tay trái M 2 cái; M tiếp tục bỏ chạy ra đường tỉnh lộ 162 thì gặp C, N1, V thì bị C dùng gậy kim loại vụt về phía M nhưng không trúng, M tiếp tục bỏ chạy nhưng bị ngã ra đường gần chỗ T4 nằm và không bị ai đuổi theo nữa.

Trên đường ra chỗ để xe máy H đã vứt đoạn gậy sắt ở khu vực ruộng lúa gần đường liên thôn. Sau khi gặp N tại chỗ để xe thì cả nhóm đi xe máy về, trên đường đi đến khu vực thôn L thì dừng lại, S1 vứt 02 đoạn gậy kim loại (của S1 và C); V vứt 03 đoạn gậy kim loại (V 02 cái, N1 1 cái) xuống hủm gần suối ở bên đường rồi cả nhóm đi về nhà. T1 cầm 02 con dao (T1 01 cái, T2 01 cái) mang về nhà cất; Q cầm 02 con dao (Q và T3) về nhà đưa cho Triệu Phúc H, nhờ H mang trả lại cho Q1. Đối với T4, M, Đ bị thương được mọi người đưa đi cấp cứu và điều trị tại Bệnh viện. Cùng ngày, N và các đồng phạm được triệu tập làm việc và thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

- Kết luận giám định số 8427/KL-KTTHS ngày 05/12/2023 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an, kết luận:

+ Không phát hiện thấy máu người, ADN người bám dính trên các mẫu vật ký hiệu M1, M2, M4, M5, M6, M7, M8 gửi giám định.

+ Không phát hiện thấy máu người bám dính trên mẫu vật ký hiệu M3 gửi giám định. Trên mẫu vật ký hiệu M3 gửi giám định (tại phần lưỡi dao) có bám dính ADN của Đỗ Viết T4, không phát hiện thấy ADN của Mai Thành Đ hay Nguyễn Đức M.

- Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 207/KLTTCT-TTPY ngày 27/11/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh Lào Cai, kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Đức M tại thời điểm giám định là 03%; C chế hình thành các thương tích: Chấn thương trực tiếp; Vật gây thương tích: Thương tích tại vùng khuỷu tay phải, bàn tay trái, gai chậu trước trên và vùng gối hai bên là vật tày; Thương tích tại vùng khuỷu tay trái là vật sắc.

- Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 206/KLTTCT-TTPY ngày 27/11/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh Lào Cai, kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Mai Thành Đ tại thời điểm giám định là 01%.

- Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 8454/KL - KTHS ngày 21/11/2023 của Viện khoa học Hình sự Bộ Công an, kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Đỗ Viết T4 tại thời điểm giám định là 26%. Hiện tại Đỗ Viết T4 đang được điều trị bất động tại bệnh viện, không làm được các xét nghiệm và khám chuyên khoa sâu, nên chưa đánh giá được đầy đủ các

tổn thương, di chứng chấn thương (nếu có) và cơ chế hình thành thương tích. Sau khi anh Đỗ Viết T4 điều trị ổn định đề nghị cơ quan CSĐT Công an huyện BT đưa anh Đỗ Viết T4 đi giám định bổ sung.

- Kết luận giám định bổ sung tổn thương cơ thể trên người sống số 936/KL-KTHS ngày 05/03/2024 của Viện khoa học Hình sự - Bộ Công an, kết luận: Đối chiếu Bảng 1 - Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT - BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể như sau:

+ Sẹo vùng chẩm trái, kích thước nhỏ 01%;

+ 03 sẹo vùng lưng trái, gồm: sẹo (01) kích thước lớn 03%; sẹo (02) và sẹo (03) kích thước trung bình, mỗi sẹo 02%;

+ Sẹo phẫu thuật vùng giữa lưng, kích thước trung bình 02%;

+ Sẹo dẫn lưu vùng ngực trái, kích thước trung bình 02%;

+ Sẹo mặt ngoài đùi phải, kích thước lớn 03%;

+ Sẹo mặt sau đốt 1 ngón II bàn tay trái, kích thước nhỏ 01%;

+ Gãy cung trước xương sườn VII, IX, X bên trái can tốt: mỗi xương sườn 02%;

+ Tổn thương màng phổi trái, có phẫu thuật không để lại di chứng 03%;

+ Vết thương thùy dưới phổi trái, có phẫu thuật không để lại di chứng 06%;

+ Tổn thương tủy ngực T10 toàn bộ kiểu khoanh đoạn (vết thương tủy T10; vỡ thân đốt sống T10; khuyết cung sau do mổ T9, T10; liệt hai chi dưới, rối loạn cơ tròn, mất cảm giác đoạn từ ngang rốn trở xuống): 97%.

+ Gãy thân đốt sống T10 là 21%;

+ Khuyết gai sau T9, T10 do phẫu thuật 16%;

+ Gẫy đốt 1 ngón II bàn tay trái, can tốt 02%;

Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của anh Đỗ Viết T4 tại thời điểm giám định là 99% (BL1030-1139a).

Cáo trạng số 11/CT-VKST-P2 ngày 05/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai đã truy tố các bị cáo Triệu Ông N, Triệu Ồng T1, Triệu Thừa T2, Phạm Đức H, Trần Quốc V, Bùi Văn C, Trần Văn S, Triệu Nguyên T3, Nguyễn Minh Q, Nguyễn Thành N1 về tội *"Giết người*", theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo Triệu Ông N, Triệu Ồng T1, Triệu Thừa T2, Phạm Đức H, Trần Quốc V, Bùi Văn C, Trần Văn S, Triệu Nguyên T3, Nguyễn Minh Q, Nguyễn Thành N1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung vụ án và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai trình bày luận tội giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

1/ Về Trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố các bị cáo Triệu Ông N, Triệu Ồng T1, Triệu Thừa T2, Phạm Đức H, Trần Quốc V, Bùi Văn C, Trần Văn S, Triệu Nguyên T3, Nguyễn Minh Q, Nguyễn Thành N1 phạm tội *"Giết người"*.

- Căn cứ điểm n, khoản 1 Điều 123; Điều 15, Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52, Điều 57 BLHS. Xử phạt bị cáo **Triệu Ổng N** từ 12 đến 13 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 14/11/2023.

- Căn cứ điểm n, khoản 1 Điều 123; Điều 15, 17, 38, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 2 Điều 54 , Điều 57, 58 BLHS xử phạt bị cáo **Triệu Ổng T1** từ 9 đến 10 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 14/11/2023.

- Căn cứ điểm n, khoản 1 Điều 123; Điều 15, 17, 38, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 2 Điều 54, Điều 57, 58, Điều 98, 101 BLHS xử phạt bị cáo **Nguyễn Minh Q** 5 đến 6 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 14/11/2023.

- Căn cứ điểm n, khoản 1 Điều 123; Điều 15, 17, 38, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 2 Điều 54, Điều 57, 58, Điều 98, 101 BLHS xử phạt bị cáo **Triệu Nguyên T3** từ 4 đến 5 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 14/11/2023.

- Căn cứ điểm n, khoản 1 Điều 123; Điều 15, 17, 38, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 2 Điều 54, Điều 57, 58 BLHS xử phạt bị cáo **Phạm Đức H, Trần Quốc V** từ 4 đến 5 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 14/11/2023.

- Căn cứ điểm n, khoản 1 Điều 123; Điều 15, 17, 38, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 2 Điều 54, Điều 57, 58, 98, 101 BLHS xử phạt bị cáo **Trần Văn S** từ 3 đến 4 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 14/11/2023.

- Căn cứ điểm n, khoản 1 Điều 123; Điều 15, 17, 38, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 2 Điều 54, Điều 57, 58 BLHS xử phạt bị cáo **Triệu Thừa T2** từ 3 đến 4 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 14/11/2023.

- Căn cứ điểm n, khoản 1 Điều 123; Điều 15, 17, 38, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 2 Điều 54, Điều 57, 58 BLHS xử phạt bị cáo **Bùi Văn C** từ 01 đến 02 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 14/11/2023.

- Căn cứ điểm n, khoản 1 Điều 123; Điều 15, 17, 38, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 2 Điều 54, Điều 57, 58 BLHS xử phạt bị cáo **Nguyễn Thành N1** từ 09 đến 12 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 28/02/2024.

2/ Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng khoản 1 Điều 48 BLHS, Điều 584, 590 BLDS Buộc các bị cáo Triệu Ổng N, Triệu Ổng T1, Triệu Thừa T2, Phạm Đức H, Trần Quốc V, Bùi Văn C, Trần Văn S, Triệu Nguyên T3, Nguyễn Minh Q, Nguyễn Thành N1 phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho người bị hại theo quy định của pháp luật.

3/ Về vật chứng, án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ điểm n, khoản 1 Điều 123; Điều 15, Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52, Điều 57 BLHS. Xử phạt bị cáo **Triệu Ông N** từ 12 đến 12 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 14/11/2023.

- Căn cứ điểm n, khoản 1 Điều 123; Điều 15, 17, 38, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 2 Điều 54 , Điều 57, 58 BLHS xử phạt bị cáo **Triệu Ông T1** từ 7 đến 7 năm 6 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 14/11/2023.

- Căn cứ điểm n, khoản 1 Điều 123; Điều 15, 17, 38, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 2 Điều 54, Điều 57, 58, Điều 98, 101 BLHS xử phạt bị cáo **Triệu Nguyên T3** từ 3 đến 4 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 14/11/2023.

- Căn cứ điểm n, khoản 1 Điều 123; Điều 15, 17, 38, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 2 Điều 54, Điều 57, 58 BLHS xử phạt bị cáo **Phạm Đức H,** từ 3 năm đến 3 năm 6 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 14/11/2023.

- Căn cứ điểm n, khoản 1 Điều 123; Điều 15, 17, 38, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 2 Điều 54, Điều 57, 58 BLHS xử phạt bị cáo **Trần Quốc V** dưới mức hình phạt do Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai đề nghị. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 14/11/2023.

- Căn cứ điểm n, khoản 1 Điều 123; Điều 15, 17, 38, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 2 Điều 54, Điều 57, 58, Điều 98, 101 BLHS xử phạt bị cáo **Nguyễn Minh Q** từ 4 đến 4 năm 6 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 14/11/2023.

- Căn cứ điểm n, khoản 1 Điều 123; Điều 15, 17, 38, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 2 Điều 54, Điều 57, 58, 98, 101 BLHS xử phạt bị cáo **Trần Văn S** từ 2 năm 6 tháng đến 3 năm 6 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 14/11/2023.

- Căn cứ điểm n, khoản 1 Điều 123; Điều 15, 17, 38, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 2 Điều 54, Điều 57, 58 BLHS xử phạt bị cáo **Triệu Thừa T2** từ 2 năm 6 tháng đến 3 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 14/11/2023.

- Căn cứ điểm n, khoản 1 Điều 123; Điều 15, 17, 38, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 2 Điều 54, Điều 57, 58 BLHS xử phạt bị cáo **Bùi Văn C** dưới 12 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 14/11/2023.

- Căn cứ điểm n, khoản 1 Điều 123; Điều 15, 17, 38, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 2 Điều 54, Điều 57, 58, Điều 65 BLHS xử phạt bị cáo **Nguyễn Thành N1** từ 9 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo.

Về trách nhiệm dân sự, vật chứng, án phí:

Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Đối với hành vi gây tổn hại sức khỏe của các bị cáo cho Nguyễn Đức M với tỷ lệ phần trăm là 03% và Mai Thành Đ với tỷ lệ phần trăm là 01%, trong quá trình điều tra Nguyễn Đức M, Mai Thành Đ và người đại diện hợp pháp của M và Đ không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường và không đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự nên cơ quan Cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai không đề cập xử lý là có căn cứ. Vì vậy, Nguyễn Đức M và Mai Thành Đ không phải là người bị hại trong vụ án này mà cần đưa Nguyễn Đức M và Mai Thành Đ tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng.

[***2] Về tội danh, vai trò của các bị cáo:***

[2.1] Về tội danh:

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, truy tố, phù hợp với lời khai của những người làm chứng, người liên quan; Kết luận giám định và các tài liệu khi thực nghiệm điều tra và chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, vì vậy, có đủ cơ sở khẳng định:

Do Triệu Ông N và Nguyễn Đức M có mâu thuẫn với nhau nên đã nhắn tin hẹn gặp nhau để đánh nhau. Khi đã hẹn gặp nhau theo đúng thời gian, địa điểm, N đã rủ (H, S1, T3, T1, Q, T2, V, C, N1) đi giải quyết mâu thuẫn. Khi đi N cầm theo dao phát và có dặn những bị cáo khác chuẩn bị hung khí. Khoảng 00 giờ ngày 13/11/2023, khi gặp nhau tại điểm hẹn M xuống xe đuổi theo N, T4 thì bị H, S1, T2, T3, Qđuổi theo và trượt ngã xuống ta luy âm, thấy T4 ngã nằm ở rãnh, các bị cáo đã dùng dao phát, dao có mũi nhọn, gậy kim loại *(Hung khí nguy hiểm)* chuẩn bị trước đó đâm, chém, vụt liên tục vào vùng bụng, vùng lưng, vùng đầu, chém nhiều phát vào tay, chân, vùng mông *(Những vùng trọng yếu trên cơ thể)* của T4. Khi thấy T4 không động đậy nữa các bị cáo mới bỏ đi và bỏ mặc T4, Hành vi của các bị cáo gây tổn hại cho T4 99% sức khỏe.

Người bị hại không chết là ngoài ý chí chủ quan, các bị cáo không có mâu thuẫn gì với T4, vì thấy T4 đi cùng với M mà các bị cáo đã đuổi theo, sử dụng các hung khí nguy hiểm T công một cách quyết liệt, thể hiện tính chất côn đồ của các bị cáo khi thực hiện tội phạm. Chỉ vì mâu thuẫn giữa N và M mà bị cáo N đã rủ các bị cáo khác chuẩn bị các hung khí nguy hiểm để đâm, chém, vụt vào các vùng trọng yếu của cơ thể của bị hại.

Hành vi của các bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự coi thường pháp luật, đã xâm phạm tính mạng, sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ. Vì vậy có đủ C sở khẳng định hành vi nêu trên của các bị cáo Triệu Ông N, Triệu Ông T1, Triệu Thừa T2, Phạm Đức H, Trần Quốc V, Bùi Văn C,

Trần Văn S, Triệu Nguyên T3, Nguyễn Minh Qvà Nguyễn Thành N1 đã phạm tội *"Giết người"* với tình tiết định khung "*Có tính chất côn đồ"* theo quy định tại điểm n, khoản 1, Điều 123 BLHS.

Cáo trạng số 11/CT-VKST-P2 ngày 05/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai đã truy tố các bị cáo Triệu Ồng N, Triệu Ồng T1, Triệu Thừa T2, Phạm Đức H, Trần Quốc V, Bùi Văn C, Trần Văn S, Triệu Nguyên T3, Nguyễn Minh Q và Nguyễn Thành N1 về tội *"Giết người"* theo điểm n, khoản 1, Điều 123 BLHS là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2] Đánh giá vai trò của các bị cáo có trong vụ án: Đây là vụ án đồng phạm, vai trò của từng bị cáo được xác định như sau:

1/ Bị cáo Triệu Ồng N:

Là người khởi xướng, thể hiện qua các tin nhắn, gọi điện cho các bị cáo gồm (T3, T1, Q, S1, H) và gặp trực tiếp T2 rủ đi đánh nhau.

N còn bảo H và S1 rủ thêm người nữa để đi giúp N, N bảo các bị cáo khác chuẩn bị hung khí, phân công các đồng phạm vào vị trí ẩn nấp và bảo lao ra đánh nếu thấy M không đến một mình nên N phải chịu trách nhiệm với vai trò chính trong vụ án.

2/ Bị cáo Triệu Ồng T1:

Khi được N rủ, T1 đã đồng ý và mang theo 01 con dao phát làm hung khí, khi thấy T4 mở cửa xe đi xuống thì T1 hô lên *"Chém chết mẹ chúng nó đi"*. Khi chạy ra đường gặp Đ, T1 dùng dao phát chém từ trên xuống dưới trúng vào mu bàn tay trái của Đ. Khi thấy T4 ngã nằm ở rãnh, T1 đã dùng hai tay cầm dao chém một phát theo hướng từ trên xuống dưới mũi dao trúng vào vùng lưng dưới vai trái T4, trên đường đi đến vị trí lấy xe máy, T1 gặp M và đã dùng tay phải cầm dao phát chém phần sống dao trúng vào tay trái của M. Vì vậy, T1 là đồng phạm với vai trò là người thực hành.

3/ Bị cáo Nguyễn Minh Q.

Khi được N nhắn tin rủ đi đánh nhau Q đã đồng và chủ động nói mình sẽ chuẩn bị đồ (tức là hung khí) và bảo N đón. Khi N bảo T3 đến đón Q thì Q đã bảo T3 chở qua nhà Q1 để lấy dao, Q1 không ở nhà thì Q đã tự ý lấy một con dao mèo dài khoảng 1,6m mang đi. Khi thấy T4 ngã nằm ở rãnh, Q đứng ở phía chân của T4, hai tay cầm dao kiểu dao phóng lợn được hàn với ống sắt dơ lên cao chém một phát từ trên xuống thì trúng vào vật cứng của người khác, Q đã rút dao lại rồi chọc M mũi dao theo hướng từ sau ra trước về phía lưng T4, mũi dao trúng vào vùng lưng của T4 01 nhát, Q tiếp tục dùng 2 tay cầm dao phóng lợn chém 01 phát theo chiều từ trên xuống dưới hơi chéo từ phải sang trái, lưỡi dao trúng vào vùng sau đầu của T4, Q là đồng phạm với vai trò là người thực hành.

4/ Bị cáo Triệu Nguyên T3.

Khi được N rủ đi đánh nhau, T3 đã đồng ý, khi đi T3 cầm theo một con dao dạng dao liềm dài khoảng 60cm từ nhà đi, bị cáo là người đi đón Q và chở Q đến nhà Q1 để Q lấy dao, khi đến nhà Q1, T3 vào theo Q và lấy 01 con dao phát được được hàn vào ống kim loại dài khoảng 1m ở góc nhà mang đi làm hung khí, còn con dao dạng liềm trước đó T3 cầm đi thì T3 đưa lại cho T2 và

đoạn gậy kim loại V đưa cho T3, T3 không dùng mà bỏ ở gốc xoài chỗ ẩn nấp trước khi nhóm M tới. Khi thấy T4 ngã nằm ở rãnh, T3 cầm dao dùng hai tay chém 02 phát theo chiều từ trên xuống dưới, chéo từ phải sang trái mũi dao phát trúng vào vùng lưng bên trái của T4, nên T3 là đồng phạm với vai trò người thực hành.

5/ Bị cáo Phạm Đức H.

Dùng tô vít tháo các T2 kim loại của cột cờ hai bên đường để đưa cho các bị cáo V, C, N1 và bản thân bị cáo cầm một đoạn làm hung khí, khi nghe thấy T1 hô lên *"Chém chết mẹ chúng nó đi"* H đã cầm đoạn gậy kim loại lao ra trước vụt liên tiếp nhiều phát trong đó có 1 phát trúng tay trái, 1 phát trúng vào đùi trái và 2 phát trúng vào mạn sườn trái của T4 nên H là đồng phạm với vai trò người thực hành.

6/ Bị cáo Trần Quốc V.

Khi được nhóm N rủ đi đánh nhau V đã đồng ý đi cùng, V dùng tay bẻ các T2 kim loại của cột cờ ở nhà văn hóa để làm hung khí và đưa cho các bị cáo khác làm hung khí. Khi thấy T4 ngã nằm ở rãnh, V chập hai T2 kim loại với nhau vụt liên tiếp 04 cái theo hướng từ trên xuống dưới trúng vào tay và mạn sườn trái của T4, khi thấy T4 không động đậy thì C bảo V thôi không đánh nữa thì V mới bỏ đi. Vì vậy, V là đồng phạm với vai trò người thực hành.

7/ Bị cáo Trần Văn S:

Bị cáo S1 khi được N nhắn tin rủ đi đánh nhau và gọi thêm người đi thì bị cáo S1 đã đồng ý rủ luôn C, N1 và V đi cùng, S1 dùng gậy kim loại vụt một phát vào tay trái, 2 phát trúng vào mạn sườn trái của T4, Vì vậy, S1 là đồng phạm với vai trò người thực hành.

8/ Bị cáo Triệu Thừa T2.

Khi đi làm về dừng lại hỏi mọi người có chuyện gì, N nhìn thấy T2 nên rủ T2 "*Đi đánh nhau anh*", T2 trả lời "*Ừ*". Khi đó, T3 có đưa cho T2 một con dao phát nhưng T2 đã vứt ở gốc xoài, N thấy T2 không cầm con dao mà T3 đưa, N đã đưa cho T2 01 con dao phát của N, T2 đã cầm và nghe theo chỉ đạo của N ẩn nấp chờ nhóm M đến, như vậy thể hiện T2 tự động tiếp nhận ý chí của N là đi đánh nhau và sử dụng hung khí của N đưa cho. T2 đã dùng con dao phát mà N đưa chém một nhát theo hướng từ trên xuống dưới phần lưỡi dao trúng vào vùng mông của T4, vì vậy T2 là đồng phạm với vai trò người thực hành.

9/ Bị cáo Bùi Văn C.

Khi được S1 đưa cho đoạn kim loại tháo từ cột cờ hai bên đường để làm hung khí đi đánh nhau, C đã cầm và nghe theo N, ẩn nấp chờ nhóm của M đến. C đã dùng đoạn gậy kim loại đó vụt một phát theo hướng từ trên xuống dưới trúng vào mông T4, không thấy T4 động đậy nên thôi không đánh nữa. Như vậy, khi biết nhóm N đi đánh nhau và được S1 đưa cho đoạn kim loại thì C đã không từ chối mà dùng hung khí đó đánh T4 thể hiện bị cáo đã tự động tiếp nhận ý chí của bị cáo N về việc đi đánh nhau nên đánh giá C là đồng phạm với vai trò người thực hành.

10/ Bị cáo Nguyễn Thành N1.

Mặc dù trước đó N1 chưa biết việc nhóm N đi đánh nhau nhưng sau khi được S1 đưa cho đoạn kim loại tháo từ cột cờ hai bên đường thì đã cầm và dùng xe của mình chở V đi theo nhóm N đến nơi giao hẹn.

Như vậy có đủ căn cứ cho rằng bị cáo N1 sau khi biết nhóm N đi đánh M nH N1 không từ chối mà vẫn đi theo, tiếp nhận hung khí do S1 đưa cho, ẩn nấp theo lời N chỉ đạo. Khi thấy các bị cáo khác đuổi theo T4 thì N1 cũng cầm gậy kim loại đuổi theo, tuy không trực tiếp gây thương tích cho bị hại T4, nhưng bị cáo cũng không can ngăn mà chỉ đứng nhìn và bỏ mặc T4 bị đánh. Như vậy dù không trực tiếp gây thương tích ho bị hại nhưng bị cáo đã tạo điều kiện về phương tiện và tinh thần cho các bị cáo khác thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, bị cáo N1 đã đồng phạm với vai trò là người giúp sức.

[3] Xét về tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội; nhân thân; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử nhận định:

Hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, thể hiện tính chất côn đồ, hung hãn, coi thường pháp luật. Hành vi đó đã xâm phạm tới sức khỏe, tính mạng của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội nghiêm trọng tại địa phương, gây bức xúc trong nhân dân. Vì vậy cần phải xử lý các bị cáo nghiêm minh trước pháp luật

[3.1] Xét về nhân thân:

- Bị cáo Triệu Ông N có nhân thân xấu: Bản án số 30/2020/HSST ngày 16/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện BT, tỉnh Lào Cai tuyên phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù giam về tội *"Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi",* thời hạn chấp hành từ ngày bắt 03/7/2020 đã chấp hành xong bản án.

- Bị cáo Phạm Đức H có nhân thân xấu: Ngày 25/4/2023 bị UBND xã Hợp Thành, thành phố Lào Cai xử phạt vi phạm hành chính về hành vi *"Hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tải sản của cá nhân người khác".*

- Bị cáo Trần Quốc V có nhân thân xấu: Ngày 28/3/2023 bị công an Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác nH không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

[3.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đã tác động gia đình tự nguyện bồi thường cho người bị hại, cụ thể: Gia đình các bị cáo N1, H, V, S1, C, Qvà N mỗi gia đình đã bồi thường 35.000.000 đồng; Bị cáo T1 đã bồi thường 10.000.000 đồng; Bị cáo T2 bồi thường 40.000.00 đồng; Bị cáo T3 bồi thường 38.000.000 đồng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, điểm s, khoản 1 Điều 51 BLHS, cần xem xét áp dụng cho các bị cáo khi quyết định hình phạt.

- Bị cáo Triệu Nguyên T3 và Triệu Ổng N có cụ nội là ông Triệu Kiềm C, được Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến hạng Nhì; Bị cáo Bùi Văn C có ông nội là ông Bùi Văn M, được nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhì; Bị cáo Nguyễn Thành N1 có ông nội là ông Nguyễn Văn N, được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến. Người đại diện của bị hại Đỗ

Viết T4 là bà Phạm Thị H2 xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, nên các bị cáo được áp dụng khoản 2 Điều 51 BLHS.

[3.3] Về tình tiết tăng nặng:

Các bị cáo T1, T3, T2, H, V, C, S1, Q, N1 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo N là người khởi xướng, rủ các bị cáo khác thực hiện hành vi phạm tội trong đó có bị cáo T3, Q và S1 tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội chưa đủ 18 tuổi, vì vậy bị cáo N phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự *"Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội"* theo quy định tại điểm o, khoản 1 Điều 52 BLHS.

[4] Về hình phạt và điều luật áp dụng:

Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo; Cũng như đánh giá vai trò đồng phạm của các bị cáo trong vụ án. Sau khi xem xét quan điểm của Luật sư, Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho các bị cáo, ý kiến của các bị cáo, ý kiến của người đại diện hợp pháp của bị hại và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

- Bị cáo Triệu Ông N có vai trò chính trong vụ án, tuy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nhưng xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự *"Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội"* theo quy định tại điểm o, khoản 1 Điều 52 BLHS. Bản thân bị cáo đã từng bị kết án về hành vi giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi, mặc dù đã chấp hành bản án xong và được xóa án tích nH bị cáo không lấy đó làm bài học rút kinh nghiệm, mà vẫn thực hiện hành vi phạm tội, thể hiện thái độ coi thường pháp luật. Do đó cần áp dụng hình phạt tù tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm chung.

- Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp phạm tội chưa Đ, hậu quả chết người chưa xảy ra nên các bị cáo được áp dụng Điều 15, Điều 57 BLHS khi quyết định hình phạt.

- Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo T3, Q và S1 chưa đủ 18 tuổi. Vì vậy, vì vậy cần áp dụng các quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội theo quy định tại các Điều 98, Điều 101 BLHS.

- Các bị cáo T1, T3, T2, H, V, C, S1, Q, N1 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS, nên có căn cứ để áp dụng khoản 2 Điều 54 BLHS để quyết định một hình phạt dưới mức thấp N của khung hình phạt được áp dụng nhưng không bắt buộc phải trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của điều luật đối với các bị cáo.

[4] Về trách nhiệm bồi thường dân sự:

Tại phiên tòa, người đại diện của bị hại bà Phạm Thị H2 yêu cầu các bị cáo phải liên đới bồi thường cho bị hại tổng số tiền là 480.000.000 đồng, bao gồm: Chi phí thuốc men, viện phí, tiền mua vật tư dụng cụ y tế, tiền công lao

động của người bị hại và của người chăm sóc bị mất, tiền thuê trọ, thuê xe đi lại, tiền bồi dưỡng sức khỏe, tiền điều trị phục hồi chức năng, tiền bỉm, tiền bồi thường tổn thất về tinh thần.

Xét thấy, yêu cầu của người đại diện bị hại là có căn cứ, đồng thời các bị cáo cũng đồng ý bồi thường các khoản tiền trên nên cần chấp nhận.

Quy phần cụ thể cho các bị cáo:

- Bị cáo Triệu Ông N phải bồi thường 55.000.000 đồng
- Bị cáo Triệu Ông T1 phải bồi thường 55.000.000 đồng
- Bị cáo Nguyễn Minh Q phải bồi thường 55.000.000 đồng
- Bị cáo Triệu Nguyên T3 phải bồi thường 50.000.000 đồng
- Bị cáo Phạm Đức H phải bồi thường 50.000.000 đồng
- Bị cáo Trần Quốc V phải bồi thường 50.000.000 đồng
- Bị cáo Trần Văn S phải bồi thường 50.000.000 đồng
- Bị cáo Triệu Thừa T2 phải bồi thường 45.000.000 đồng
- Bị cáo Bùi Văn C phải bồi thường 35.000.000 đồng
- Bị cáo Nguyễn Thành N1 phải bồi thường 35.000.000 đồng

Đối với các bị cáo Triệu Nguyên T3, Nguyễn Minh Q, Trần Văn S tại thời điểm phạm tội chưa đủ 18 tuổi, căn cứ Điều 586 Bộ luật dân sự buộc người đại diện hợp pháp phải có trách nhiệm bồi thường cho bị hại.

Đối với bà Phùng Thị M (mẹ bị cáo N) đã bồi thường 35 triệu đồng; Ông Triệu Ổng S (bố bị cáo T1) đã bồi thường 10 triệu đồng; Ông Triệu Kim M (bố bị cáo T2) đã bồi thường 40 triệu đồng; Ông Triệu Phúc H (bố bị cáo T3) đã bồi thường 38 triệu đồng; Ông Phạm Đức H1 (bố bị cáo H) đã bồi thường 35 triệu đồng; Ông Trần Văn C (bố bị cáo V); đã bồi thường 35 triệu đồng; Ông Bùi Văn T (bố bị cáo C) đã bồi thường 35 triệu đồng; Bà Phạm Thị Đ (mẹ bị cáo S1) đã bồi thường 35 triệu đồng; Ông Nguyễn Văn K (bố bị cáo Q) đã bồi thường 35 triệu đồng; Ông Nguyễn Văn T (bố của bị cáo N1) đã bồi thường 35 triệu đồng.

Toàn bộ số tiền trên các ông (bà) không yêu cầu các bị cáo phải hoàn trả lại, xét thấy việc không yêu cầu là tự nguyện nên hội đồng xét xử không xem xét

[5] Một số hành vi, đối tượng liên quan:

- Hành vi của các bị cáo Trần Văn S, Phạm Đức H, Trần Quốc V tháo, bẻ các đoạn kim loại dùng làm cột cờ của thôn P 2 trước khi gây án, thuộc tài sản của thôn, đại diện thôn không yêu cầu bồi thường, nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

- Đối với việc bị cáo Q mượn dao của Trần Văn Q1 trước khi gây án: Qua xác minh khi T3 và Q đến lấy dao thì anh Q1 không ở nhà nên không anh Q1 không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

- Đối với Triệu Phúc H được Nguyễn Minh Q đưa hai con dao mang về trả lại cho anh Trần Văn Quyết: Qua xác minh Hương không tham gia, không biết Q nsử dụng dao để đánh nhau và không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

[6] Về xử lý vật chứng:

Quá trình điều tra, cơ quan điều tra thu giữ các vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo:

- Đối với các vật chứng là đồ vật không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy bao gồm: Một chiếc tua vít bằng kim loại; 05 con dao và 07 T2 kim loại; Mẫu máu ghi thu của Đỗ Viết T4, Mai Thành Đ còn lại sau giám định; mẫu tóc ghi thu của Nguyễn Đức M còn lại sau giám định; một đôi dép nhựa và 04 đoạn gậy gỗ.

- Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại: Wave alpha, mầu S1: đen bạc biển số 24B3 - 122.60 thu giữ của Trần Văn S, kèm theo 01 chìa khóa xe và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 24024816 mang tên Phạm Thị Đ do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Lào Cai cấp ngày 25/01/2022, là tài sản hợp pháp của bà Phạm Thị Đ cần tuyên trả cho bà Phạm Thị Đ là chủ sở hữu.

- Đối với một xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại: Wave alpha, màu S1: trắng bạc, biển số 24B1 - 412.65 thu giữ của Triệu Thừa T2, xe không có chìa khóa. Qua xác minh xe đăng ký chủ sở hữu bà Đặng Thị Mến, do ông Triệu Kim M và bà Hoàng Thị N mua để sử dụng vì vậy cần tuyên trả lại cho ông M, bà N.

- Đối với 01(một) phong bì được niêm phong theo quy định, bên trong có 01 điện thoại di động, một mặt phong bì có ghi *"Điện thoại do anh Nguyễn Quốc C giao nộp ngày 13/11/2023"*, đây là tài sản hợp pháp của anh C, không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho C.

- Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại: Exciter 2NDC, màu S1: đen, biển kiểm soát 24B2 - 776.38 thu giữ của Phạm Đức H kèm theo 01 chìa khóa xe máy, cần tạm giữ đảm bảo thi hành án.

- Đối với 04 (bốn) chiếc điện thoại di động thu giữ của các bị cáo Triệu Thừa T2, Bùi Văn C, Trần Quốc V, Nguyễn Thành N1 cần tạm giữ đảm bảo thi hành án.

- Đối với 04 chiếc điện thoại di động thu giữ của các bị cáo: N, H, S1 và Q, đây là phương tiện dùng để liên lạc trước khi phạm tội cần tuyên tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

[7] Về án phí:

Các bị cáo Triệu Ông N, Triệu Thừa T2, Phạm Đức H, Trần Quốc V, Bùi Văn C, Trần Văn S, Triệu Nguyên T3, Nguyễn Thành N1 phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm và án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Triệu Ông T1 và bị cáo Nguyễn Minh Q có đơn đề nghị miễn án phí do gia đình thuộc hộ nghèo nên cần chấp nhận.

Đối với các bị cáo Triệu Nguyên T3, Nguyễn Minh Q, Trần Văn S thời điểm phạm tội chưa đủ 18 tuổi nên người đại diện hợp pháp phải liên đới bồi thường nên cũng phải chịu án phí Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh, điều luật áp dụng và hình phạt:

Tuyên bố các bị cáo Triệu Ổng N, Triệu Ổng T1, Triệu Thừa T2, Phạm Đức H, Trần Quốc V, Bùi Văn C, Trần Văn S, Triệu Nguyên T3, Nguyễn Minh Q, Nguyễn Thành N1 phạm tội *"Giết người"*.

- Căn cứ điểm n, khoản 1 Điều 123; điểm o khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15, Điều 57, Điều 17, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Triệu Ổng N 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày 14/11/2023.

- Căn cứ điểm n, khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 15, Điều 57, Điều 17, Điều 58, khoản 2 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Triệu Ổng T1 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày 14/11/2023.

Xử phạt bị cáo Triệu Thừa T2 05 (năm) năm tù, thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày 14/11/2023.

Xử phạt bị cáo Phạm Đức H 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng, thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày 14/11/2023.

Xử phạt bị cáo Trần Quốc V 04 (bốn) năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày 14/11/2023

Xử phạt bị cáo Bùi Văn C 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày 14/11/2023.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành N1 01(một) năm 06 (sáu) tháng tù; Thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày 29/02/2024.

- Căn cứ điểm n, khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 15, Điều 57; khoản 2 Điều 54; Điều 38, Điều 98, Điều 101,102 BLHS

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh Q 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày 14/11/2023.

Xử phạt bị cáo Triệu Nguyên T3 06 (sáu) năm tù, thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày 14/11/2023.

Xử phạt bị cáo Trần Văn S 04 (bốn) năm tù, thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày 14/11/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 584, 586, 587, 590 Bộ luật dân sự:

- Buộc các bị cáo Triệu Ổng N, Triệu Ổng T1, Phạm Đức H, Trần Quốc V, Triệu Thừa T2, Bùi Văn C, Nguyễn Thành N1 và Người đại diện cho các bị cáo Triệu Nguyên T3, Nguyễn Minh Q, Trần Văn S phải liên đới bồi thường cho người đại diện cho bị hại Đỗ Viết T4 là bà Phạm Thị H2 tổng số tiền 480.000.000 đồng *(Bốn trăm tám mươi triệu đồng).*

Cụ thể:

- Bị cáo Triệu Ổng N phải bồi thường 55.000.000 đồng, xác nhận đã bồi thường 35.000.000 đồng.

Còn phải bồi thường 20.000.000 đồng *(Hai mươi triệu đồng chẵn).*

- Bị cáo Triệu Ồng T1 phải bồi thường 55.000.000 đồng xác nhận đã bồi thường 10.000.000 đồng.

Còn phải bồi thường 45.000.000 đồng *(Bốn mươi lăm triệu đồng chẵn).*

- Bị cáo Phạm Đức H phải bồi thường 50.000.000 đồng, xác nhận đã bồi thường 35.000.000 đồng.

Còn phải bồi thường 15.000.000 đồng *(Mười lăm triệu đồng chẵn).*

- Bị cáo Trần Quốc V phải bồi thường 50.000.000 đồng xác nhận đã bồi thường 35.000.000 đồng.

Còn phải bồi thường 15.000.000 đồng *(Mười lăm triệu đồng chẵn).*

- Bị cáo Triệu Thừa T2phải bồi thường 45.000.000 đồng, xác nhận đã bồi thường 40.000.000 đồng.

Còn phải bồi thường 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng chẵn).*

- Ông Triệu Phúc H và bà Hoàng Thị C phải liên đới bồi thường cho người bị hại số tiền 12.000.000 đồng *(Mười hai triệu đồng chẵn).*

- Ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị Thu phải liên đới bồi thường cho người bị hại số tiền 20.000.000 đồng *(Hai mươi triệu đồng chẵn).*

- Ông Trần Văn C và bà Phạm Thị Đ phải liên đới bồi thường cho người bị hại số tiền 15.000.000 đồng *(Mười lăm triệu đồng chẵn).*

- Xác nhận bị cáo Bùi Văn C đã bồi thường 35.000.000 đồng *(Bmươi lăm triệu đồng chẵn)*.

- Xác nhận bị cáo Nguyễn Thành N1 đã bồi thường 35.000.000 đồng *(Bmươi lăm triệu đồng chẵn)*.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố Tụng Hình sự:

*** Tịch thu tiêu hủy:**

+ 01 (một) chiếc tua vít bằng kim loại có tổng chiều dài 19cm, chuôi cầm bằng nhựa, đã qua sử dụng thu giữ của Trần Văn S;

+ 01 (một) hộp giấy được dán kín bằng các băng giấy màu trắng, hai đầu hộp được dán kín có dấu tròn của cơ quan CSĐT Công an huyện BT, chữ ký của thành phần niêm phong và một tờ giấy ghi *"Mẫu vật do Triệu Nguyên T3 giao nộp ngày 14/11/2023, ký hiệu M1"*. Bên trong hộp giấy có một con dao (dạng dao phát, lưỡi dao bằng kim loại tối màu, trên có bám dính nhiều vết rỉ sét, được hàn vào một ống tuýp tròn bằng kim loại sáng màu.

+ 01 (một) hộp giấy dán kín và dán các băng giấy màu trắng, trên các băng giấy có hình dấu của cơ quan CSĐT Công an huyện BT cùng các họ tên, chữ ký một tờ giấy ghi *"Mẫu vật do Nguyễn Minh Qgiao nộp ngày 14/11/2023, ký hiệu M2"*. Bên trong hộp giấy có một con dao, đầu mũi dao nhọn, lưỡi giao bằng kim loại, tối màu, trên có bám dính nhiều vết rỉ sét, được hàn vào một ống tuýp tròn bằng kim loại tối màu.

+ 01 (một) hộp giấy dán kín và dán các băng giấy màu trắng, trên các băng giấy có hình dấu của cơ quan CSĐT Công an huyện BT cùng các họ tên, chữ ký và một tờ giấy ghi *"Mẫu vật do Triệu Ồng T1 giao nộp ngày 13/11/2023, ký hiệu M3"* Bên trong có một con dao (dạng dao phát) lưỡi dao bằng kim loại tối màu, trên có bám dính nhiều vết rỉ sét, chuôi dao bằng gỗ.

+ 01 (một) hộp giấy dán kín và dán các băng giấy màu trắng, trên các băng giấy có hình dấu của cơ quan CSĐT Công an huyện BT cùng các họ tên, chữ ký và một tờ giấy ghi *"Mẫu vật do Triệu Ồng T1 giao nộp ngày 13/11/2023, ký hiệu M4"*. Bên trong có một con dao (dạng dao phát), lưỡi dao bằng kim loại tối màu, trên có bám dính nhiều vết rỉ sét, chuôi dao bằng gỗ.

+ 01 (một) hộp giấy dán kín và dán các băng giấy màu trắng, trên các băng giấy có hình dấu của cơ quan CSĐT Công an huyện BT cùng các họ tên, chữ ký và một tờ giấy ghi *"Mẫu vật do Nguyễn Văn May giao nộp ngày 13/11/2023, kỹ hiệu M5"*. Bên trong có một con dao (dạng dao liềm) lưỡi dao bằng kim loại tối màu, trên có bám dính nhiều vết rỉ sét, chuôi dao bằng gỗ.

+ 01 (một) hộp giấy dán kín và dán các băng giấy màu trắng, trên các băng giấy có hình dấu của Viện khoa học Hình sự - Bộ Công an cùng các họ tên, chữ ký và một tờ giấy ghi *"Mẫu vật do Nguyễn Văn May giao nộp ngày 13/11/2023, ký hiệu M6"*. Bên trong có một T2 kim loại hình hộp, một đầu bị mẻ không rõ hình thù.

+ 01 (một) hộp giấy dán kín và dán các băng giấy màu trắng, trên các bằng giấy có hình dấu của Viện khoa học Hình sự - Bộ Công an cùng các họ tên, chữ ký và một tờ giấy ghi *"01 T2 tuýp sắt do Phạm Đức H ném được phát hiện tại mảnh ruộng của Nguyễn Văn Hải thuộc thôn P 2, PN. Theo biên bản truy tìm hồi 14 giờ ngày 15/11/2023, ký hiệu M7"*. Bên trong hộp giấy có một T2 kim loại hình hộp, trên một đầu T2 kim loại có bám dính nhiều vết rỉ sét.

+ 01 (một) hộp giấy dán kín, bên ngoài có dán các bắng giấy màu trắng, trên các băng giấy có hình dấu của Viện khoa học Hình sự - Bộ Công an cùng các họ tên, chữ ký và một tờ giấy ghi *"vật chứng do Bàn Thị Tình giao nộp vào ngày 15/11/2023 và vật chứng truy tìm được tại khu vực suối gần đồi quế của Bàn Thị Tình theo biên bản truy tìm hồi 15 giờ 10 ngày 15/11/2023, ký hiệu M8"*. Bên trong hộp giấy có năm T2 kim loại hình hộp, trên mỗi T2 đều có dán một mảnh giấy đánh số lần lượt từ 1 tới 5, trong đó T2 kim loại số 3 và số 4 đều bị cong ở giữa, T2 kim loại số 3 và số 5 có bám dính nhiều vết rỉ sét tập trung ở một đầu của mỗi T2.

+ 01 (một) phong bì niêm phong, một mặt có ghi *"Giấy niêm phong mẫu vật hoàn trả kèm theo Kết luận giám định số 8427/KL-KTHS",* bên trong có mẫu máu ghi thu của Đỗ Viết T4, Mai Thành Đ; mẫu tóc ghi thu của Nguyễn Đức M đều được gói kín.

+ 01 (một) đôi dép nhựa màu nâu cam, có cỡ số 42 ở đế dép, trên quai dép có hàng chữ "VIP" màu trắng, đã qua sử dụng do (Nguyễn Văn M) giao nộp.

+ 01 (một) hộp giấy dán kín bằng các băng giấy màu trắng, trên các băng giấy có hình dấu tròn của UBND xã PN cùng họ tên, chữ ký và một tờ giấy ghi

"Đoạn gậy gỗ thu giữ trong quá trình truy tìm vật chứng tại thôn P 2, xã PN ngày 23/11/2023", bên trong có một đoạn gậy gỗ.

+ 01 (một) hộp giấy dán kín bằng các băng giấy màu trắng, trên các băng giấy có hình dấu tròn của Công an xã S cùng họ tên, chữ ký và một tờ giấy ghi *"03 đoạn gậy gỗ thu giữ trong quá trình truy tìm vật chứng tại thôn K, xã S ngày 23/11/2023"*. Bên trong có 03 đoạn gậy gỗ.

*** Tạm giữ để đảm bảo thi hành án:**

+ 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại: Exciter 2NDC, màu S1: đen, biển số 24B2 - 776.38, xe có một gương chiếu hậu bên trái, số khung RLCUG1010LY253074, số máy G3D4E1024121, dung tích xi lanh 149,8cm^3, loại xe 2 bánh từ 50-175 cm3 xe đã qua sử dụng thu giữ của Phạm Đức H kèm theo 01 chìa khóa xe máy.

+ 01 (một) phong bì được niêm phong theo quy định, bên trong có 01 điện thoại di động, một mặt phong bì có ghi *"Điện thoại do Nguyễn Thành N1 giao nộp ngày 13/11/2023"*.

+ 01 (một) phong bì được niêm phong theo quy định, bên trong có 01 điện thoại di động, một mặt phong bì có ghi *"Điện thoại do Trần Quốc V giao nộp ngày 13/11/2023"*.

+ 01 (một) phong bì được niêm phong theo quy định, bên trong có 01 điện thoại di động, một mặt phong bì có ghi *"Điện thoại do Bùi Văn C giao nộp ngày 13/11/2023"*.

+ 01 (một) phong bì được niêm phong theo quy định, bên trong có 01 điện thoại di động, một mặt phong bì có ghi *"Điện thoại do Triệu Thừa T2 giao nộp ngày 13/11/2023"*.

**** Tuyên tịch thu nộp ngân sách nhà nước.***

+ 1 (một) phong bì được niêm phong theo quy định, bên trong có 01 điện thoại di động, một mặt phong bì có ghi *"Điện thoại do Nguyễn Minh Q giao nộp ngày 13/11/2023"*.

+ 01 (một) phong bì được niêm phong theo quy định, bên trong có 01 điện thoại di động, một mặt phong bì có ghi *"Điện thoại do Trần Văn S giao nộp ngày 13/11/2023"*.

+ 01 (một) phong bì được niêm phong theo quy định, bên trong có 01 điện thoại di động, một mặt phong bì có ghi *"Điện thoại do Phạm Đức H giao nộp ngày 13/11/2023"*.

+ 01 (một) phong bì được niêm phong theo quy định, bên trong có 01 điện thoại di động, một mặt phong bì có ghi *"Điện thoại do Triệu Ông N giao nộp ngày 13/11/2023"*.

**** Trả lại cho bà Phạm Thị Đ:***

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại: Wave alpha, mầu S1: đen bạc biển số 24B3 - 122.60, số khung RLHJA3929NY005536, số máy JA39E2501766, dung tích xi lanh 109,1cm^3, loại xe 2 bánh từ 50-175 cm^3, xe có 1 gương chiếu hậu bên trái, xe đã qua sử dụng thu giữ của Trần Văn S; kèm theo 01 chìa khóa xe. 01(một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 24

024816 mang tên Phạm Thị Đ do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Lào Cai cấp ngày 25/01/2022.

**** Trả lại cho ông Triệu Kim M và bà Hoàng Thị N:***

+ 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại: Wave alpha, màu S1: trắng bạc, biển kiểm soát 24B1 - 412.65, có một gương chiếu hậu bên trái, số khung Y595842, số máy 3395982, dung tích xi lanh 97cm^3, loại xe 2 bánh từ 50-175 cm^3, xe cũ đã qua sử dụng thu giữ của Triệu Thừa T2; xe không có chìa khóa.

**** Trả lại cho anh Nguyễn Quốc C:***

- 01 (một) phong bì được niêm phong theo quy định, bên trong có 01 điện thoại di động, một mặt phong bì có ghi *"Điện thoại do Nguyễn Quốc C giao nộp ngày 13/11/2023"*.

(Các vật chứng thể hiện tại Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng Số 22 ngày 08/4/2024 của cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lào Cai và Cục thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai).

4. Về án phí:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Bị cáo Triệu Ông N phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm ngàn)* tiền án phí HSST và 1.000.000 đồng tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

- Bị cáo Triệu Nguyên T3 phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm ngàn)* tiền án phí Hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo Phạm Đức H phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm ngàn)* tiền án phí Hình sự sơ thẩm và 750.000 đồng tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

- Bị cáo Trần Quốc V phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm ngàn)* tiền án phí Hình sự sơ thẩm và 750.000 đồng tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

- Bị cáo Trần Văn S phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm ngàn)* tiền án phí Hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo Triệu Thừa T2phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm ngàn)* tiền án phí Hình sự sơ thẩm 300.000 đồng tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

- Bị cáo Bùi Văn C và bị cáo Nguyễn Thành N1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí Hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo Triệu Ông T1, Nguyễn Minh Qđược miễn tiền án phí.

- Ông Triệu Phúc H phải chịu 600.000 đồng *(Sáu trăm ngàn)* tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

- Bà Phạm Thị Đ phải chịu 750.000 đồng *(Bảy trăm năm mươi ngàn)* tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo dưới 18 tuổi, người bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể tự ngày tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phùng Chí Thiện

Nơi nhận:
- *TAND, VKSND cấp cao;*
- *VKSND tỉnh;*
- *Sở Tư pháp tỉnh;*
- *CQCSĐT Công an tỉnh;*
- *CQTHAHS Công an tỉnh;*
- *Phòng hồ sơ Công an tỉnh;*
- *Trại tạm giam Lào Cai;*
- *Bị cáo, Người đại diện bị cáo, Bị hại, Người đại diện bị hại.*
- *Người bào chữa;*
- *Người có QLNVLQ;*
- *THA Tòa án 04;*
- *Lưu Hồ sơ.*